

Bản án số: 01/2025/HC-ST

Ngày 25-9-2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính,  
hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi  
đất, bồi thường giải phóng mặt bằng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Yến

Bà Đỗ Thị Viện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 02/2025/TLST-HC ngày 30 tháng 7 năm 2025 về khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Dư Văn M, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Ngọc B, sinh năm 1971; nơi thường trú: Số E T, phường A (trước đây là phường T, quận L), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số A đường V, phường N (trước đây là phường V, quận N), thành phố Hải Phòng; bà B có mặt, ông M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, bà B:* Luật sư Nguyễn Văn T, Luật sư Đinh Hữu C, Luật sư Đinh Phú M1, Luật sư Nguyễn Văn D - Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Luật sư Thuộm có mặt; Luật sư C, Luật sư M1 và Luật sư D vắng mặt.

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Gia Đ – Chủ tịch; vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Quang D1 - Phó Chủ tịch UBND phường N, thành phố Hải Phòng (Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 08/9/2025); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

+ Ông Phí Quốc H – Trưởng Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị; có mặt.

+ Ông Vũ Đắc T1 – Phó Giám đốc Ban Q1; có mặt.

+ Bà Phạm Thị Ba L - Chuyên viên Phòng Kinh tế hạ tầng và đô thị; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị T2 – Viên chức Ban Q1; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường N (trước đây là phường V, quận Đ), thành phố Hải Phòng; **vắng** mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:***

Ông Dư Văn M và bà Phạm Thị Ngọc B là chủ sở hữu, sử dụng diện tích 364m<sup>2</sup> đất ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 10 (Theo bản trích đo địa chính), tại địa chỉ tổ dân phố D, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, một phần diện tích đất nêu trên của ông bà bị UBND quận Đ thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (K+00) đến ngã ba V (đường L) quận Đ (đoạn qua địa phận phường V) (viết tắt là Dự án). Trong quá trình thực hiện thu hồi đất và tài sản trên đất UBND quận Đ và UBND phường V đã ban hành: Thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022 của UBND quận Đ (Trích Thông báo 16/TB-UBND ngày 14/02/2023 của UBND phường V); Thông báo 16/TB-UBND ngày 14/02/2023 của UBND phường V về việc kiểm kê vật kiến trúc, cây cối hoa màu để thực hiện Dự án; Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ về Phê duyệt phương án (đợt 14) bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án, (đối với 04 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức); Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án. Tuy nhiên, những Thông báo, Quyết định nêu trên UBND quận Đ và UBND phường V không giao cho ông bà.

Theo Biểu tổng hợp danh sách các hộ thông báo kiểm kê (Ban hành kèm theo Thông báo 16/TB-UBND ngày 14/02/2023 của UBND phường V) thì ông bà bị UBND quận Đ thu hồi diện tích 205,3m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất nằm trong tổng diện tích 364,3m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10, tại địa chỉ tổ dân phố D, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo đó, UBND

quận Đ xác định diện tích đất bị thu hồi nêu trên của ông bà có nguồn gốc là của Hợp tác xã V quản lý, đến năm 2014 Hợp tác xã giải thể, UBND phường V quản lý và không bồi thường hỗ trợ về đất, vật kiến trúc, tại Công văn số 208/UBND-ĐC ngày 09/7/2024 của UBND phường V xác định diện tích đất mà ông bà đang sử dụng là đất Đ. Nhận thấy UBND quận Đ nhận định nguồn gốc đất trên là không đúng, nay diện tích đất và tài sản trên đất của ông bà bị cưỡng chế thu hồi đất mà không bồi thường, hỗ trợ cho ông bà là trái luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà chính vì vậy ngày 24/5/2024, ông bà đã có đơn khiếu nại gửi UBND quận Đ để xem xét giải quyết tuy nhiên đơn khiếu nại của ông bà không được giải quyết phúc đáp trả lời.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 quy định về Trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, có thể thấy việc UBND quận Đ không giao các Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và lập Phương án bồi thường, hỗ trợ... cho ông bà là hoàn toàn trái luật định, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông bà.

Đối với việc bồi thường về đất: Theo Biểu tổng hợp danh sách các hộ thông báo kiểm kê (Ban hành kèm theo Thông báo 16/TB-UBND ngày 14/02/2023 của UBND phường V) thì ông bà bị Ủy ban nhân dân quận Đ thu hồi diện tích 205,3m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất nằm trong tổng diện tích 364,3m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10, tại địa chỉ tổ dân phố D, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, ông bà nhận thấy việc Ủy ban nhân dân quận Đ xác định diện tích đất bị thu hồi của ông bà là loại đất Thủy lợi và không bồi thường, hỗ trợ là không đúng, bởi toàn bộ diện tích 364,3m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10, tại địa chỉ tổ dân phố D, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng của ông bà có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích 1.865m<sup>2</sup> đất ở của gia đình bà Hoàng Thị N, ông Đinh Đình T3. Diện tích đất này được gia đình bà N, ông T3 khai hoang, phục hóa đất đai để sinh sống, làm kinh tế, xây dựng nhà ở ổn định từ năm 1982, quá trình sử dụng đất gia đình bà N, ông T3 không phát sinh tranh chấp với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lập biên bản hoặc xử phạt vi phạm hành chính về việc sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Năm 2018, vợ chồng bà N, ông T3 và các con đã chuyển nhượng cho ông bà diện tích 314m<sup>2</sup> đất ở (đo đạc thực tế là 364m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên được lập thành văn bản có sự làm chứng của Tổ trưởng Tổ dân phố 04 và các hộ dân xung quanh.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên, ông bà đã xây dựng nhà ở, cùng khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, trồng cây ăn quả trên diện tích đất này và sinh sống ổn định từ đó đến nay. Trong suốt quá trình sử dụng đất, xây dựng công trình trên đất gia đình ông bà luôn thực hiện việc nộp thuế đất, nộp các khoản đóng góp cho địa phương. Hiện nay, toàn bộ diện tích đất của ông bà đang sử dụng không có bất kỳ tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào, không bị xử phạt vi phạm hành chính về việc sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ nội dung nêu trên, có thể thấy toàn bộ diện tích 205,3m<sup>2</sup> đất của ông bà bị Ủy ban nhân dân quận Đ thu hồi để thực hiện Dự án là đất ở. Vì vậy, toàn bộ diện tích đất của ông bà hoàn toàn đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị về đất, cụ thể số tiền là: 205,3m<sup>2</sup> đất ở x 2.580.000 đồng = 529.674.000 (*Năm trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường về hoa màu và vật kiến trúc: Tại khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản khi Nhà nước thu hồi đất: "1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường". Ở vụ việc này Tổ kiểm kê tài sản đã kiểm kê tài sản của ông bà nhưng UBND quận Đ lại không bàn giao biên bản kiểm kê tài sản, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích 205,3m<sup>2</sup> đất ở và tài sản trên đất cho ông bà. Đồng thời những tài sản này đã bị UBND quận Đ cưỡng chế dân tới toàn bộ tài sản của ông bà bị thiệt hại nghiêm trọng. Căn cứ nội dung và đối chiếu điều khoản luật định thì toàn bộ tài sản công trình vật kiến trúc, cây cối hoa màu của ông bà phải được bồi thường 100% giá trị. Giá trị tài sản vật kiến trúc, cây cối, hoa màu của ông bà chưa được bồi thường là 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng.

Từ những nội dung nêu trên, ông bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng xem xét, giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất (Đợt 14) thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển đến Ngã ba V, quận Đ đối với gia đình ông bà.

- Hủy một phần Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ, thành phố Hải Phòng về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông bà.

- Buộc UBND phường N phải bàn giao cho ông bà Thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022, Quyết định số 2060/QĐ-UBND và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ.

- Buộc UBND phường N bồi thường về đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và đất vật lập cho ông bà số tiền là 829.674.000 đồng, trong đó: Bồi thường về đất là 529.674.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc, cây cối hoa màu là 300.000.000 đồng.

***Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày:***

*Về nguồn gốc thửa đất bị thu hồi:* Theo hồ sơ tài liệu lưu trữ, xác định diện tích đất 205,3m<sup>2</sup> mà ông Dư Văn M và bà Phạm Thị Ngọc B sử dụng có nguồn gốc là đất thủy lợi do UBND phường N (trước đây là Ủy ban nhân dân phường V) quản lý đã bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến Ngã 3 V (đường L) quận Đ (đoạn qua địa bàn phường V), có nguồn gốc là một phần đất thủy lợi (Đất Đầm Nghè) do Hợp tác xã V quản lý từ trước năm 1990. Năm 2001, Hợp tác xã V chuyển đổi thành Hợp tác xã V và đến năm 2014 thì giải thể, cụ thể: Theo Bản đồ đo vẽ năm 1990 và sổ mục kê kèm theo thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 02-VH, loại ruộng đất: ghi Đầm (Ao)

diện tích 47.636,0m<sup>2</sup>; Theo biên bản số 01/BB-UB ngày 24/02/1994 của Ủy ban nhân dân phường V “v/v kiểm tra thủ tục sử dụng đất nông nghiệp HTX V trên phạm vi quản lý hành chính của phường V theo Chỉ thị 77 và 04” thể hiện Đàm Nghè gồm: 3,5ha trong đó có một số hộ tư nhân đã lấn chiếm đất làm nhà ở và vượt thổ đào ao, diện tích 1,7ha HTX giao cho anh Hoàng Đình T4 xã viên HTX nông nghiệp nhận khoán nuôi trồng thủy sản. Hiện ông Hoàng Đình T4 đã chết, vợ ông T4 là bà Hoàng Thị T5 vẫn đang tiếp tục sử dụng diện tích đất được khoán, diện tích đất hiện nay phù hợp với diện tích đất ông T4 được hợp đồng giao khoán tại biên bản số 01/BB-UB ngày 24/02/1994 của Ủy ban nhân dân phường V. Theo bản đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất năm 2013 (giai đoạn 1), thuộc thửa đất số: 8, tờ bản đồ số: 35, diện tích: 379,2m<sup>2</sup>.

Ủy ban nhân dân phường N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N xác định phần diện tích đất đã nêu trên thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 02 (đất Đàm Nghè), diện tích đất này không thuộc đất khai hoang, vì Ủy ban nhân dân quận Đ, Ủy ban nhân dân phường V trước đây không ban hành bất kỳ văn bản nào thực hiện chính sách khai hoang khu vực này; không thuộc đất trồng lúa, không thể hiện trên bản đồ đo đạc đất trồng lúa năm 1997.

Căn cứ theo quy định tại mục 2.2.6.2 (đất thủy lợi) phụ lục số 01, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ T7 quy định về thống kê, kiểm kê, đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất: “Đất thủy lợi là đất sử dụng vào mục đích xây dựng các công trình thủy lợi bao gồm đê điều, hệ thống dẫn nước để cấp nước, thoát nước, tưới nước, tiêu nước (kể cả hành lang bảo vệ công trình thủy lợi mà phải thu hồi đất); các công trình thủy lợi đầu mối như trạm bơm, trạm điều hành, trạm xử lý nước thải (kể cả nhà làm việc, nhà kho, cơ sở sản xuất - sửa chữa - bảo dưỡng công trình thủy lợi thuộc phạm vi công trình đầu mối); kè, cống, đập và hồ chứa nước phục vụ mục đích thủy lợi là chính”. Như vậy, đất Đàm Nghè thuộc loại đất thủy lợi, đất do Ủy ban nhân dân phường Q2.

*Về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:* Đối chiếu giữa Bản đồ đo vẽ năm 1990, Bản đồ đo vẽ năm 2013 và Mảnh trích lục địa chính số 295/2022-TL do Trung tâm kỹ thuật – dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường lập ngày 15/4/2022. Diện tích đất bị thu hồi thuộc phần diện tích đất gia đình ông Dư Văn M sử dụng được xác định là đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân phường V quản lý. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: “Đất được nhà nước giao để quản lý”. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về tài sản gắn liền với đất: “2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” Do đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất quận Đ không tính toán bồi thường đối với vật kiến trúc, cây cối hoa màu của ông Dư Văn M và bà Phạm Thị Ngọc B trên thửa đất Ủy ban nhân dân phường quản lý. Việc người khởi kiện đề nghị bồi thường về đất và vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất đối với diện tích đất bị thu hồi thực hiện Dự án là không có cơ sở giải quyết.

*Về việc ban hành và bàn giao các văn bản:* Trên cơ sở hồ sơ tài liệu và báo cáo về nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân phường V xác định phần diện tích đất bị thu

hồi thực hiện Dự án, ông M và bà B đang sử dụng là đất thủy lợi do Ủy ban nhân dân phường V trước đây quản lý. Ủy ban nhân dân quận Đ trước đây đã ban hành Thông báo thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với đối tượng bị thu hồi là Ủy ban nhân dân phường V. Đồng thời, việc ban hành các văn bản nêu trên đều đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Do vậy, việc ông Dư Văn M và vợ là bà Phạm Thị Ngọc B yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ; huỷ một phần Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ, thành phố Hải Phòng; buộc UBND phường N phải bàn giao cho ông M, bà B thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022, Quyết định số 2060/QĐ-UBND và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 là không có cơ sở để thực hiện.

Từ những phân tích trên và căn cứ quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân phường N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng xem xét bác yêu cầu đơn khởi kiện của ông Dư Văn M và bà Phạm Thị Ngọc B.

***Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị N trình bày:***

Bà và chồng là ông Đinh Đình T3, sinh năm 1963 (chết năm 2010) đã khai hoang sử dụng diện tích 1.865m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 10, tại địa chỉ tổ dân phố D, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian sử dụng, gia đình bà đã cho xây dựng nhà ở công trình, trồng cây cối hoa màu trên đất và sinh được các con chung tại thửa đất thuộc địa chỉ này. Trong thời gian sử dụng từ năm 1982 đến khi bị UBND quận Đ thu hồi đất không phát sinh tranh chấp không bị xử phạt hành chính và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ.

Năm 2018, bà cùng các con đã chuyển nhượng diện tích 314m<sup>2</sup>/1.865m<sup>2</sup> đất ở (đo đạc thực tế là 364m<sup>2</sup>) và tài sản gắn liền với đất cho vợ chồng ông Dư Văn M và bà Phạm Thị Ngọc B. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên hai bên đã lập thành văn bản có sự làm chứng của Tổ trưởng Tổ dân phố 04 và các hộ dân xung quanh. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng thời điểm năm 2018, vợ chồng ông M và bà B đã xây dựng nhà ở cùng khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh, trồng cây ăn quả trên diện tích đất này và sinh sống ổn định từ đó đến nay thực hiện việc nộp thuế đất, nộp các khoản đóng góp cho địa phương. Nay một phần diện tích đất của ông M bà B bị cưỡng chế thu hồi không được bồi thường hỗ trợ. Quan điểm của bà như sau: Đối với diện tích đất mà ông M và bà B đang ăn ở sử dụng gia đình bà đã chuyển nhượng từ năm 2018 là của gia đình ông M bà B, gia đình bà không có tranh chấp đối với diện tích đất này; xem xét bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông M và bà B để gia đình ông M và bà B ổn định cuộc sống. Do bà không tranh chấp, không đòi hỏi quyền lợi gì trong vụ án này, bà không có ý kiến nào khác nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt bà.

*Tại phiên tòa:* Người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ các yêu cầu. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ

nguyên quan điểm tại các văn bản gửi cho Tòa án và đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; khoản 3 Điều 62, điểm a khoản 1 Điều 69, Điều 82, Điều 92 Luật Đất đai 2013; Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Người khởi kiện là ông Dư Văn M và bà Phạm Thị Ngọc B khiếu kiện yêu cầu Tòa án: Hủy một phần Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ; Hủy một phần Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ; Buộc UBND phường N phải bàn giao Thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022, Quyết định số 2060/QĐ-UBND và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ; Buộc UBND phường N bồi thường về đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và đất vật lập số tiền là 829.674.000 (*tám trăm hai mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng, (trong đó: Bồi thường về đất là 529.674.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc, cây cối hoa màu là 300.000.000 đồng). Theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81//2025/UBTVQH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, người khởi kiện có quyền khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hải Phòng.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Người khởi kiện trình bày ngày 24/5/2024, người khởi kiện làm đơn khiếu nại gửi đến UBND quận Đ nhưng không được giải quyết. Ngày 19/02/2025, người khởi kiện gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Dư Văn M, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[4] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định*: Căn cứ khoản 3 Điều 62; điểm a Khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai; Căn cứ Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân quận Đ đã ban hành: Thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022, Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc thu hồi đất, Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt phương án (đợt 14) bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba V (đường L) quận Đ (đoạn qua địa phận phường V) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

*Về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất bị thu hồi của người khởi kiện*:

[5] Về nguồn gốc diện tích đất 205,3m<sup>2</sup> của người khởi kiện bị UBND quận Đ thu hồi là một phần của diện tích đất nhận chuyển nhượng từ gia đình bà Hoàng Thị N là 314m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 364m<sup>2</sup>) nằm trong tổng diện tích đất gia đình bà N sử dụng là 1.865m<sup>2</sup>. Theo Bản đồ đo vẽ năm 1990 và sổ mục kê kèm theo: Diện tích đất bị thu hồi thuộc một phần thửa đất thửa đất số 78, tờ bản đồ số 02-VH, loại ruộng đất: ghi Đầm (A), diện tích 47.636,0m<sup>2</sup>, không ghi tên chủ sử dụng đất. Theo Báo cáo của UBND phường V đã xác định thửa đất hiện tại của người khởi kiện nhận chuyển nhượng từ gia đình bà N nêu trên có nguồn gốc là một phần đất thủy lợi (đất Đ) do Hợp tác xã V quản lý từ trước năm 1990. Năm 2001, Hợp tác xã V chuyển đổi thành Hợp tác xã V và đến năm 2014 thì giải thể.

[6] Theo biên bản số 01/BB-UB ngày 24/02/1994 của Ủy ban nhân dân phường V “v/v kiểm tra thủ tục sử dụng đất nông nghiệp HTX V trên phạm vi quản lý hành chính của phường V theo Chỉ thị 77 và 04” thể hiện Đầm Nghè gồm: 3,5ha trong đó có một số hộ tư nhân đã lấn chiếm đất làm nhà ở và vượt thổ đào ao, diện tích 1,7 ha HTX giao cho anh Hoàng Đình T4 xã viên HTX nông nghiệp nhận khoán nuôi trồng thủy sản. Hiện ông Hoàng Đình T4 đã chết, vợ ông T4 là bà Hoàng Thị T5 vẫn đang tiếp tục sử dụng diện tích đất được khoán, diện tích đất hiện nay phù hợp với diện tích đất ông T4 được hợp đồng giao khoán tại biên bản số 01/BB-UB ngày 24/02/1994 của Ủy ban nhân dân phường V.

[7] Năm 2018, gia đình người khởi kiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 314m<sup>2</sup> đất có kích thước (62,8x5) từ gia đình bà N. Tuy nhiên, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên không được công chứng, chứng

thực theo quy định pháp luật. Ngoài giấy chuyển nhượng đất năm 2018 từ gia đình bà N, người khởi kiện không còn tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào khác chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất bị thu hồi.

[8] Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 1990 và sổ mục kê kèm theo, tại thời điểm đo đạc ghi nhận bà Hoàng Thị N đang sử dụng diện tích đất 121,0m<sup>2</sup> được xác định tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 02-VH, loại ruộng đất ghi: tc, tên chủ sử dụng ruộng đất ghi N, diện tích đất ghi 121,0 m<sup>2</sup>. Đây là diện tích đất gia đình bà N đã sử dụng từ trước ngày 15/10/1993.

[9] Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất năm 2013 và hồ sơ kèm theo: Diện tích đất bà N sử dụng là 1.865,4m<sup>2</sup>, thửa đất số: 38, tờ bản đồ số: 39, loại đất ghi ODT, chủ sử dụng đất ghi Hoàng Thị N. Đối chiếu hồ sơ giữa năm 1990 và 2013 cho thấy diện tích đất bà N đang sử dụng tăng 1744,4m<sup>2</sup> gồm: + Diện tích đất 124,1m<sup>2</sup> được xác định tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 02- VH, loại ruộng đất ghi: tc, tên chủ sử dụng ruộng đất ghi N, diện tích đất ghi 121,0m<sup>2</sup>. Đây là diện tích đất gia đình bà N đã sử dụng từ trước ngày 15/10/1993. Thực tế đo đạc là 124,1m<sup>2</sup> (tăng 4,1m<sup>2</sup> so với năm 1990, do sai số đo đạc, ranh giới đất không thay đổi); + Diện tích đất 25,5 m<sup>2</sup> đất ở (thổ cư) được xác định thuộc một phần thửa đất số 182 tờ bản đồ số 02-VH, loại ruộng đất ghi: tc, tên chủ sử dụng ruộng đất ghi T6, diện tích đất ghi 125,0 m<sup>2</sup> (thực tế đo đạc năm 2013 là 132,6m<sup>2</sup>, tăng 7,6 m<sup>2</sup> so với năm 1990, do sai số đo đạc, ranh giới đất không thay đổi). Thửa đất này có nguồn gốc là ông Đỗ Văn N1 và vợ là bà Phạm Thị L1 sử dụng từ trước ngày 15/10/1993. T6 là tên của bà Đỗ Thị T6, con ruột của ông Đỗ Văn N1 và vợ là bà Phạm Thị L1. Ông N1 và bà L1 đã chết. Trong diện tích đất 132,6 m<sup>2</sup>, có diện tích đất 104,6m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ (thực tế đo đạc là 107,1m<sup>2</sup>), hiện chủ sử dụng đất hợp pháp là ông Phạm Văn Q.

[10] Năm 2021: Kiểm kê đất đai, đo đạc hiện trạng phục vụ bồi thường, hỗ trợ thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển (Km 1+00) đến ngã ba V (đường L) quận Đ (đoạn qua địa bàn phường V), diện tích 1.865,4m<sup>2</sup> đo đạc từ năm 2013 đã có sự phân tách như sau: + Đối với bà Hoàng Thị N diện tích đất đang sử dụng tại thời điểm kiểm kê là 1.463,3m<sup>2</sup>: Diện tích đất (Đ) thuộc diện tích đất 1.7515,8m<sup>2</sup> bị thu hồi là 701,0m<sup>2</sup>. Còn lại đang sử dụng sau thu hồi đất là 762,3m<sup>2</sup> gồm: diện tích đất 25,5m<sup>2</sup> và 87,8m<sup>2</sup> (là một phần diện tích đất 124,1m<sup>2</sup> như đã phân tích ở mục năm 2013) sau khi đã bán 36,3m<sup>2</sup> cho ông Dư Văn M năm 2018. Diện tích đất còn lại là 649,0m<sup>2</sup> là đất Đầm Nghè (là một phần diện tích đất 1.715,8 m<sup>2</sup> đã phân tích tại năm 2013); + Đối với diện tích đất ông Dư Văn M đang sử dụng là 353,0 m<sup>2</sup> (UBND phường không nhận được giấy tờ liên quan về việc sử dụng đất trên từ ông Dư Văn M), trong đó: Diện tích đất (Đ) thuộc diện tích đất 1.7515,8m<sup>2</sup> bị thu hồi là 205,3m<sup>2</sup>. Còn lại đang sử dụng sau thu hồi đất là 147,7m<sup>2</sup> gồm: diện tích đất là 36,3m<sup>2</sup> (là một phần diện tích đất 124,1m<sup>2</sup> như đã phân tích ở mục năm 2013, là một phần đất ở của gia đình bà Hoàng Thị N). Diện tích đất còn lại là 111,4 là đất Đầm Nghè (là một phần diện tích đất 1.715,8 m<sup>2</sup> đã phân tích tại năm 2013).

[11] Theo Mạnh trích lục địa chính số 295 ngày 15/4/2022 thì thửa đất gia đình người khởi kiện sử dụng có diện tích 364,3m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ

số 10; diện tích bị thu hồi là 205,3m<sup>2</sup>, diện tích còn lại là 159m<sup>2</sup> (trong đó diện tích phía giáp ngõ đi chung là 147,7m<sup>2</sup>, diện tích đất phía cuối thửa đất là 11,3m<sup>2</sup>).

[12] Đối chiếu Bản đồ đo vẽ năm 1990 và sổ mục kê kèm, Bản đồ đo vẽ năm 2013, Bản đồ đo vẽ năm 2021 và M2 trích lục địa chính số 295 ngày 15/4/2022, có thể thấy toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của gia đình người khởi kiện có nguồn gốc là một phần đất thủy lợi (đất Đ) do Hợp tác xã V quản lý từ trước năm 1990, năm 2001, Hợp tác xã V chuyển đổi thành Hợp tác xã V và đến năm 2014 thì giải thể, diện tích đất trên do UBND phường V quản lý từ đó đến nay.

[13] Người khởi kiện trình bày nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi là nhận chuyển nhượng từ gia đình bà N. Năm 1982, gia đình bà N khai hoang diện tích đất bị thu hồi theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vận động khuyến khích nhân dân khai hoang lấn biển, sử dụng đất trống đồi trọc để lập ấp, xây nhà ăn ở ổn định phát triển kinh tế. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân phường V xác định phần diện tích đất nêu trên thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 02 (đất Đàm Nghè), diện tích đất này không thuộc đất khai hoang, vì Ủy ban nhân dân quận Đ, Ủy ban nhân dân phường V trước đây không ban hành bất kỳ văn bản nào thực hiện chính sách khai hoang khu vực này, không thuộc đất trồng lúa, không thể hiện trên bản đồ đo đạc đất trồng lúa năm 1997.

[14] Tại các Thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022; Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc thu hồi đất, Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt phương án (đợt 14) bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thể hiện việc thu hồi diện tích đất của UBND phường V, xác định đối tượng bị thu hồi đất là UBND phường V là có căn cứ.

[15] Trích lục nguồn gốc đất khi thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án (đợt 14) bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, Thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022; Quyết định số 2060/QĐ-UBND và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ đã được niêm yết công khai tại các Biên bản niêm yết ngày 01/10/2023, Biên bản niêm yết ngày 05/01/2024 tại UBND phường V và khu vực có đất thu hồi thực hiện dự án (TDP6 và TDP D phường V), Biên bản niêm yết ngày 01/12/2023, ngày 22/12/2023, ngày 30/10/2023... Như vậy, các thông báo, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ đã được công khai tại địa phương (UBND phường V) cho mọi người dân, tổ chức trên địa bàn có đất bị thu hồi được biết.

[16] *Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:* Tại khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất “Đất được Nhà nước giao để quản lý”. Và tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về tài sản gắn liền với đất: “2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Theo Bản đồ đo vẽ năm 1990, Bản đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất năm 2013 và Mảnh Trích lục địa chính số 295/2022-TL do Trung tâm kỹ thuật – dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường lập ngày 15/4/2022, diện tích

đất bị thu hồi thuộc phần diện tích đất gia đình người khởi kiện sử dụng được xác định là đất thủy lợi do UBND phường V quản lý. Đối chiếu, trường hợp người khởi kiện với các quy định pháp luật nêu trên thì người khởi kiện yêu cầu bồi thường về đất và vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất đối với diện tích đất bị thu hồi là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

[17] *Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất của người khởi kiện:* Tại Điều 76 quy định về bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: “1. Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm: a) Đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, trừ trường hợp đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này; b) Đất được Nhà nước giao cho tổ chức thuộc trường hợp có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất; c) Đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm; đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuê do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng; d) Đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn; đ) Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối. 2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”. Và tại Điều 80 Luật Đất đai quy định về Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân “ 1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng; trường hợp không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo thời hạn sử dụng đất còn lại đối với đất sử dụng có thời hạn. 2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm; cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất, khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng. 3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”. Đối chiếu trường hợp gia đình ông M, bà B với các quy định nêu trên thì hộ gia đình ông M, bà B không thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất của người khởi kiện.

[18] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc: + Hủy một phần Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất (Đợt 14) thực hiện Dự án đối với gia đình ông M, bà B; + Hủy một phần Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông M, bà B; + Buộc UBND phường N phải bàn giao cho ông M, bà B Thông báo thu

hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022, Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; + Buộc UBND phường N bồi thường về đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và đất vật lập cho ông M, bà B số tiền là 829.674.000 đồng.

[19] *Về án phí sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[20] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 31, khoản 1 Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng Hành chính 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 62, Điều 69, Điều 82, Điều 92 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 3 Điều 2 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng hành chính, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 5 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dư Văn M và bà Phạm Thị Ngọc B về việc:

- Huỷ một phần Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ, thành phố Hải Phòng về Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất (Đợt 14) thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển đến Ngã ba V, quận Đ đối với gia đình ông M, bà B.

- Huỷ một phần Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND quận Đ, thành phố Hải Phòng về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất đối với gia đình ông M, bà B.

- Buộc UBND phường N phải bàn giao cho ông M, bà B Thông báo thu hồi đất số 309/TB-UBND ngày 28/6/2022, Quyết định số 2060/QĐ-UBND và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 29/12/2023.

- Buộc UBND phường N bồi thường về đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu và đất vật lập cho ông M, bà B số tiền là 829.674.000 đồng, trong đó: Bồi thường

về đất là 529.674.000 đồng, bồi thường vật kiến trúc, cây cối hoa màu là 300.000.000 đồng.

2. Về án phí: Ông M và bà B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, tổng cộng là 600.000 đồng. Ông M và bà B đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000316 ngày 30/7/2025 của Thị hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Ông M và bà B phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Hoàng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Yến    Đỗ Thị Viện**

**Vũ Văn Hoàng**

